TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng.

2. Ông Nguyễn Xuân Tuyến.

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 222/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1993.

* Bị đơn: Anh Hà Văn Th, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Ngần có mặt, anh Thế vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Th qua tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị và anh Th sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Th.

- Về con chung: Chị và anh Hà Văn Th có một con chung là cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010. Nay ly hôn chị nhất trí với nguyện vọng của cháu T, nếu cháu T ở với chị, chị không yêu cầu anh Thế cấp dưỡng nuôi con, còn nếu cháu T có nguyện vọng được ở với anh Th, chị hoàn toàn nhất trí và chị không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Ng giữ nguyên quan điểm của mình là đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Th, về con chung do hiện nay anh Thế đi làm ăn xa không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010 và không yêu cầu anh Thế cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Về tài sản và nợ chung: Chị Ng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Hà Văn Th đến để giải quyết việc chị Lê Thị Ng đề nghị ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn nhưng anh Thế không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ng. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Thế vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ngọc Lâu, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Trương Thị Th (mẹ ruột anh Hà Văn Th) thì chị Ng và anh Th tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chiêm Hóa đến nay đã có với nhau một người con chung là cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Th là do tính tình không hợp, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay anh Th đang đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương nhưng anh Th vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình bằng điện thoại, anh Th không nói rõ cụ thể địa chỉ nơi ở, nơi làm việc nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Bà là người trực tiếp nhận các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh Th và bà đã thông báo cho anh Th biết. Việc chị Ngần yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Th, theo bà Th thì anh Th cũng nhất trí ly hôn với chị Ng và có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thiên, nhưng do anh Th đi làm ăn xa, tình hình dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn không về có mặt tại theo giấy triệu tập của Tòa án, anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Lê Thị Ng; cho chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Hà Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hà Văn Th; anh Hà Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Hà Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo thông tin từ gia đình, anh Th đi làm công nhân ở miền Nam nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ anh Th đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo, triệu tập, gia đình anh Th đã thông báo cho anh Th nhưng anh Th vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Hà Văn Th vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ng và anh Hà Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2010 tại UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa cho thấy: Chị Ng và anh Thế kết hôn với nhau vào năm 2010, sau khi kết hôn chị Ng và anh Thế sinh sống tại thôn Ng, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ng và anh Th sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng chị Ng và anh Th sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị Ng và anh Thế thực tế đã không tồn tại từ năm 2016 đến nay; chị Ng và anh Th đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Ng và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ng là xử cho chị Ng được ly hôn với anh Hà Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Ng và anh Hà Văn Th có 01 con chung là cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010, quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng được ở với anh Th và chị Ng cũng nhất trí theo nguyện vọng của cháu Thiên, nhưng do hiện nay anh Th đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, tại phiên tòa chị Ng trình bày có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Thế cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh thì hiện chị Lê Thị Ng và anh Hà Văn Th đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Ng, xã V, mức thu nhập bình quân là 3.300.000 đồng/người/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cháu T có nguyện vọng được ở với anh Th, nhưng hiên nay anh Th đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, cháu T còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm lý của trẻ nhỏ cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn Th biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Ng và anh Th, nhưng anh Th không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình khi ly hôn. Do vậy căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ng xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ

Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* của chị Lê Thị Ng. Xử cho chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Hà Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Bảo T, sinh ngày 26/02/2010 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hà Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003554 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hà Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Vinh Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký)*

Lương Thị Huệ